

**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2020/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho loại hình buýt sử dụng  
nhiên liệu sạch (khí CNG) trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của  
Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm,  
dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của  
Bộ Giao thông vận tải ban hành Định mức khung kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho  
vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 10 tháng 4 năm 2020  
của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền  
lương, chi phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng  
kinh phí ngân sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3236/TTr-  
SGTVT ngày 28 tháng 7 năm 2020 và Công văn số 4484/SGTVT-KHTC ngày  
09 tháng 9 năm 2020 về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho loại  
hình buýt sử dụng nhiên liệu sạch (khí CNG) trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành bộ định mức kinh tế kỹ thuật cho loại hình buýt sử dụng  
nhiên liệu sạch (khí CNG) trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục  
kèm theo*).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Bộ định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng đối với loại hình vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch (khí CNG) trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong quá trình triển khai thực hiện, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức rà soát các nội dung còn chưa hợp lý (nếu có), tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện xây dựng đơn giá cho loại hình buýt sử dụng nhiên liệu sạch (khí CNG) trên địa bàn thành phố Hà Nội, trình UBND Thành phố ban hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây, Công ty TNHH Du lịch dịch vụ xây dựng Bảo Yên và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Sửu**

**PHỤ LỤC: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CHO LOẠI HÌNH  
BUÝT SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU SẠCH (KHÍ CNG)  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020  
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CHO LÁI XE VÀ NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Thời gian làm việc 1 ca	phút	420	420
2	Số ngày làm việc trong năm	ngày	287	287
3	Số ngày làm việc trong tháng	ngày	24	24
4	Số ca xe bình quân/ngày	ca/ngày	2,16	2,18
5	Hành trình bình quân 1 ca xe	km/ca	125	125

*Ghi chú:* Cự ly huy động (km) định mức bằng cự ly tuyến (km).

**ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG LÁI XE VÀ NHÂN VIÊN PHỤC VỤ TRÊN XE**

TT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4	3/4
2	Hệ số lương lái xe		3,44	3,25
3	Bậc lương nhân viên phục vụ trên xe	Bậc	3/7	2/7
4	Hệ số lương nhân viên phục vụ trên xe		2,31	1,96
5	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương đối với lái xe		1,8	1,8
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương đối với nhân viên phục vụ trên xe		1,2	1,2
7	Tiền lương cơ sở	Theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước		

*Ghi chú:*

1. Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.

2. Ăn ca

3. Lương cơ sở

4. Lương lái xe, nhân viên phục vụ trên xe = Hệ số lương x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương) + Lương ngày lễ tết.

Theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước

**ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU TRUNG BÌNH**

Loại xe	Đơn vị	Định mức
Buýt CNG trung bình	Kg/100 km	30,2
Buýt CNG nhỏ	Kg/100 km	20,5

*Ghi chú:*

1. Các xe có tuổi đời hoạt động từ năm thứ 5 trở đi áp dụng thêm hệ số điều chỉnh là: 1,05

**ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH THUÊ ĐẤT**

Loại xe	Diện tích (m <sup>2</sup> )
Buýt CNG trung bình	117,5
Buýt CNG nhỏ	87

**ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP I**

Loại xe	Bảo dưỡng cấp I (Km)
Buýt CNG trung bình	4.000
Buýt CNG nhỏ	4.000

## **QUY ĐỊNH NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BUÝT SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU SẠCH (KHÍ CNG)**

Quy định nội dung bảo dưỡng cấp 1 đối với xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch (khí CNG) trong các đơn vị cung cấp dịch vụ VTHKCC như sau:

1. Chuẩn bị.
2. Rửa xe (trong, ngoài gầm xe), rửa cánh tỏa nhiệt (kết nước) và dàn nóng máy lạnh.
3. Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng và kê kích cẩn thận.
4. Kiểm tra độ kín của các ống dẫn bôi trơn, nước làm mát, dầu phanh, côn, ống dẫn khí.
5. Kiểm tra xiết chặt các cụm chi tiết lắp xung quanh phần máy và khung xe bắt phần máy.
6. Tháo bầu lọc không khí, rửa sạch, thông thổi, thay dầu, lắp lại. Kiểm tra, vệ sinh hệ thống khi trời (lọc gió, đường hút,...).
7. Kiểm tra, điều chỉnh độ chùng của các loại dây côroa.
8. Kiểm tra vặn chặt rô tuyn ba ngang dọc.
9. Kiểm tra vặn chặt hệ thống nhíp, các đăng.
10. Kiểm tra xiết chặt bu lông, giá bắt hộp số.
11. Kiểm tra hệ thống côn, điều chỉnh hành trình tự do của bàn đạp ly hợp theo các thông số kỹ thuật.
12. Kiểm tra, điều chỉnh độ nhảy chân ga, bướm ga.
13. Kiểm tra mức dầu trong các hộp chứa: Động cơ, hộp số, cầu trước, cầu sau, dầu phanh, dầu côn, dầu trợ lực lái. Thiếu bổ sung, thay thế khi đến định ngạch.
14. Xả bẩn trong bình chứa hơi.
15. Kiểm tra điều chỉnh tác dụng của phanh tay, phanh chân theo các thông số kỹ thuật chuẩn.
16. Kiểm tra mức điện tích trong bình điện, bổ sung nước cất, thông lỗ thông hơi, kiểm tra đèn còi.
17. Kiểm tra các lốp, độ đảo, méo, không đồng đều và áp suất hơi lốp, bơm lốp.
18. Kiểm tra tình trạng của các cửa và sự làm việc của hệ thống đóng mở cửa bằng điện, hoặc bằng hơi.

19. Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống: công tắc nguồn, công tắc làm mát, công tắc quạt gió, độ lạnh, gió ra, đèn báo trên bảng táp lô. Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh. Kiểm tra sự bắt chặt của máy nén, puly tăng đai, puly ly hợp máy nén, độ căng và hư hỏng của dây đai máy nén. Tiến hành điều chỉnh, thay thế nếu thấy cần thiết. Kiểm tra sự dò rỉ ga ở các mối nối, sự thiếu hụt ga, dầu bôi trơn máy nén, làm vệ sinh mặt ngoài các đường ống.

20. Bơm mỡ vào các vú mỡ.

21. Kiểm tra sự rò rỉ, làm kín của hệ thống khí. Kiểm tra, làm kín hệ thống dẫn khí. Kiểm tra, làm kín các đầu nối của hệ thống.

22. Kiểm tra bắt chặt bình khí (8 bình), Kiểm tra, vệ sinh lọc khí CNG; Kiểm tra, siết chặt bộ làm mát khí.

23. Kiểm tra hiệu quả làm việc của hệ thống van khí. Kiểm tra hiệu quả làm việc của hệ thống van khí.

24. Kiểm tra, vệ sinh bộ giảm áp khí CNG; Kiểm tra, vệ sinh van định lượng khí CNG; Kiểm tra, điều chỉnh bộ hòa trộn khí CNG.

25. Kiểm tra hệ thống điều khiển (Hộp đen, cảm biến,...).

26. Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

**ĐỊNH MỨC GIỜ CÔNG BẢO DƯỠNG I CỦA XE BUÝT SỬ DỤNG  
NHIÊN LIỆU SẠCH (KHÍ CNG)**

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
1	Chuẩn bị.	0,5	0,5	3
2	Rửa xe (trong, ngoài gầm xe), rửa cánh tỏa nhiệt (kết nước) và dàn nóng máy lạnh.	2,5	1	3
3	Đưa xe vào vị trí bảo dưỡng và kê kích cân thận.	0,5	0,3	3
4	Kiểm tra độ kín của các ống dẫn bôi trơn, nước làm mát, dầu phanh, côn, ống dẫn khí.	0,8	0,3	4
5	Kiểm tra xiết chặt các cụm chi tiết lắp xung quanh phần máy và khung xe bắt phần máy.	0,5	0,5	3
6	Tháo bầu lọc không khí, rửa sạch, thông thổi, thay dầu, lắp lại. Kiểm tra, vệ sinh hệ thống khí trời (lọc gió, đường hút,...).	0,5	0,3	5
7	Kiểm tra, điều chỉnh độ chùng của các loại dây côroa.	0,5	0,3	3
8	Kiểm tra vặn chặt rô tuyn ba ngang dọc.	1	0,5	3
9	Kiểm tra vặn chặt hệ thống nhíp, các đăng.	0,8	0,8	3
10	Kiểm tra xiết chặt bu lông, giá bắt hộp số.	0,5	0,2	4
11	Kiểm tra hệ thống côn, điều chỉnh hành trình tự do của bàn đạp ly hợp theo các thông số kỹ thuật.	0,5	0,5	4
12	Kiểm tra, điều chỉnh độ nhạy chân ga, bướm ga.	0,5	0,4	3
13	Kiểm tra mức dầu trong các hộp chứa: Động cơ, hộp số, cầu trước, cầu sau, dầu phanh, dầu côn, dầu trợ lực lái. Thiếu bổ sung, thay thế khi đến định ngạch.	1	0,8	3
14	Xả bẩn trong bình chứa hơi.	0,5	0	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
15	Kiểm tra điều chỉnh tác dụng của phanh tay, phanh chân theo các thông số kỹ thuật chuẩn.	0,6	0,6	4
16	Kiểm tra mức điện tích trong bình điện, bổ sung nước cất, thông lỗ thông hơi, kiểm tra đèn còi.	0,4	0,3	4
17	Kiểm tra các lớp, độ đảo, méo, không đồng đều và áp suất hơi lớp, bơm lớp.	0,8	0,5	3
18	Kiểm tra tình trạng của các cửa và sự làm việc của hệ thống đóng mở cửa bằng điện, hoặc bằng hơi.	0,5	0,3	4
19	Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống: công tắc nguồn, công tắc làm mát, công tắc quạt gió, độ lạnh, gió ra, đèn báo trên bảng táp lô. Kiểm tra, vệ sinh các lưới lọc khí, dàn nóng, dàn lạnh, hoạt động bình thường của các quạt dàn nóng, dàn lạnh. Kiểm tra sự bắt chặt của máy nén, puly tăng đai, puly ly hợp máy nén, độ căng và hư hỏng của dây đai máy nén. Tiến hành điều chỉnh, thay thế nếu thấy cần thiết. Kiểm tra sự dò rỉ ga ở các mối nối, sự thiếu hụt ga, dầu bôi trơn máy nén, làm vệ sinh mặt ngoài các đường ống.	2,5	0,8	4
20	Bơm mỡ vào các vú mỡ.	1	0,5	3
21	Kiểm tra sự rò rỉ, làm kín của hệ thống khí. Kiểm tra, làm kín hệ thống dẫn khí. Kiểm tra, làm kín các đầu nối của hệ thống.	0,4	0,25	4
22	Kiểm tra bắt chặt bình khí (8 bình), Kiểm tra, vệ sinh lọc khí CNG; Kiểm, siết chặt bộ làm mát khí.	0,85	0,25	3
23	Kiểm tra hiệu quả làm việc của hệ thống van khí. Kiểm tra hiệu quả làm việc của hệ thống van khí.	0,5	0,25	4



TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
24	Kiểm tra, vệ sinh bộ giảm áp khí CNG Kiểm tra, vệ sinh van định lượng khí CNG Kiểm tra, điều chỉnh bộ hòa trộn khí CNG.	0,85	0,5	4
25	Kiểm tra hệ thống điều khiển (Hộp đen, cảm biến,...).	0,5	0,25	5
26	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	0,5	0,3	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>20</b>	<b>11,2</b>	
	<b>Cộng (làm tròn)</b>	<b>20</b>	<b>11</b>	

### ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO BẢO DƯỠNG CẤP I

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Định mức vật tư phụ	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Dầu rửa	Lít	1	1
2	Mỡ bơm	Kg	0,6	0,4
3	Giẻ lau	Kg	0,5	0,5

*Ghi chú:*

1. Ruột bầu lọc dầu và dầu máy được thay cùng nhau trong bảo dưỡng cấp cường bức - Cấp 1
2. Dầu máy và lọc dầu máy được thay ở lần bảo dưỡng cấp 1 - thứ hai (8.000 km).

### ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP II

Loại xe	Bảo dưỡng cấp II (Km)
Buýt CNG trung bình	12.000
Buýt CNG nhỏ	12.000

**QUY ĐỊNH NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP II**

Quy định nội dung bảo dưỡng cấp 2 đối với xe buýt sử dụng nhiên liệu sạch (khí CNG) trong các đơn vị cung cấp dịch vụ VTHKCC như sau:

1. Chuẩn bị tác nghiệp (Hồ sơ BD, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc và Tổ sản xuất).
2. Rửa xe (trong, ngoài gầm xe) và các cụm tổng thành xe.
3. Kiểm tra toàn bộ xe phát hiện tình trạng kỹ thuật.
4. Kê kích tháo 2 vé lốp trước, tháo rời các moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi, phốt, má phanh, tấm búa cạo sạch, thay mỡ mới lắp hoàn chỉnh.
5. Kê kích tháo 2 vé lốp sau, tháo rời các moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi, phốt, má phanh, tấm búa cạo sạch, thay mỡ mới lắp hoàn chỉnh.
6. Kiểm tra điều chỉnh khe hở supáp.
7. Tháo rửa sạch thay dầu bầu lọc khí (thay ruột lọc theo định ngạch) lắp hoàn chỉnh. Kiểm tra, vệ sinh hệ thống khí trời (lọc gió, đường hút,...).
8. Kiểm tra xiết chặt két nước, bổ sung nước. Kiểm tra điều chỉnh độ chùng dây cua roa.
9. Kiểm tra điều chỉnh hệ thống ly hợp, tăng chỉnh hành trình tự do bàn đạp ly hợp, tăng chỉnh cần đẩy ly hợp.
10. Kiểm tra xiết chặt các mặt bích đăng, thay các vòng bi chữ thập khi đến định ngạch hoặc hỏng.
11. Xiết chặt ốc giảm sóc, vặn chặt hệ thống nhíp và điều chỉnh nhíp hơi nếu cần.
12. Kiểm tra điều chỉnh độ dơ tay lái, độ chụm bánh trước, độ dơ ba ngang, ba dọc, xiết chặt, kiểm tra dầu hệ thống lái (thiếu bổ sung). Thay thế khi đến định ngạch.
13. Thay dầu hộp số hoặc bổ sung theo quy định, xiết chặt các ốc hộp số, thay dầu cầu sau.
14. Kiểm tra hoạt động của hệ thống dẫn động phanh (hệ thống khí nén, hệ thống ống dẫn,...), xả tạp chất trong bình chứa hơi, kiểm tra các van điều chỉnh áp suất. Kiểm tra điều chỉnh bàn đạp phanh, máy nén khí.
15. Kiểm tra nồng độ dung dịch ắc quy, đổ thêm nước, nạp điện nếu thiếu, rửa sạch mặt bình điện, thông lỗ thông hơi, làm sạch đầu boọc, bôi mỡ, lắp chặt.
16. Tháo bảo dưỡng máy phát điện, máy khởi động, đánh sạch các cổ góp, Kiểm tra chổi than, thay thế khi đến định ngạch.

17. Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: Đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi,... Hỏng sửa chữa.
18. Kiểm tra xiết chặt chân máy, bộ xe, tra dầu các khớp cửa. Kiểm tra hệ thống đóng mở cửa. Kiểm tra xiết chặt các chân ghế. Bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...
19. Kiểm tra độ mòn, đảo, không đồng đều, áp suất hơi lốp, bơm nếu thiếu, đảo lốp theo quy định. Nếu lốp có hiện tượng mòn bất thường phải kiểm tra các hệ thống liên quan.
20. Kiểm tra sự hoạt động bình thường của toàn bộ hệ thống: công tắc nguồn, công tắc làm mát, công tắc quạt gió, độ lạnh, gió ra, hệ thống các đèn báo trên bảng táp lô,... Chân đoán phát hiện những hư hỏng bất thường của hệ thống. Tháo và làm vệ sinh các lưới lọc khí, kiểm tra và vệ sinh các cửa gió ra. Lắp ráp các cụm chi tiết, bộ phận.  
Tháo kiểm tra và bảo dưỡng các mô tơ quạt dàn nóng, dàn lạnh. Thay chổi than quạt khi mòn hoặc đến định ngạch. Lắp ráp các chi tiết bộ phận. Vệ sinh dàn nóng, dàn lạnh. Kiểm tra sự dò rỉ ga ở các khớp nối, vệ sinh các đường ống.  
Kiểm tra sự hoạt động bình thường của máy nén khí. Tháo kiểm tra và bảo dưỡng ly hợp từ máy nén khí, kiểm tra sự thiếu hụt ga, dầu bôi trơn máy nén khí. Bổ sung ga, dầu bôi trơn máy nén khí nếu thiếu. Lắp ráp các cụm chi tiết, bộ phận.  
Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu kỹ thuật.
21. Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.
22. Thay ruột lọc. Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu.
23. Kiểm tra sự rò rỉ, làm kín của hệ thống khí. Kiểm tra, làm kín hệ thống tuy ô dẫn khí. Kiểm tra, làm kín các đầu nối của hệ thống.
24. Kiểm tra bắt chặt bình khí (8 bình), Kiểm tra, vệ sinh lọc khí CNG, Kiểm tra, siết chặt bộ làm mát khí.
25. Kiểm tra, vệ sinh hệ thống van khí. Kiểm tra hiệu quả làm việc của hệ thống van khí.
26. Kiểm tra, vệ sinh bộ giảm áp khí CNG, Kiểm tra, vệ sinh van định lượng khí CNG, kiểm tra, điều chỉnh bộ hòa trộn khí CNG.
27. Kiểm tra, điều chỉnh bướm ga, chân ga.
28. Kiểm tra hệ thống điều khiển (Hộp đen, cảm biến,...).
29. Đi thử kiểm nghiệm chất lượng bảo dưỡng và các yêu cầu kỹ thuật khác sau khi bảo dưỡng.
30. Vệ sinh xe bàn giao xe.

**ĐỊNH MỨC GIỜ CÔNG BẢO DƯỠNG CẤP II**

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
1	Chuẩn bị tác nghiệp (Hồ sơ BD, vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc và Tổ sản xuất).	0,6	0,6	3
2	Rửa xe (trong, ngoài gầm xe) và các cụm tổng thành xe.	2,5	2	3
3	Kiểm tra toàn bộ xe phát hiện tình trạng kỹ thuật.	1,2	1	5
4	Kê kích tháo 2 vế lớp trước, tháo rời các moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi, phốt, má phanh, tấm búa cạo sạch, thay mỡ mới lắp hoàn chỉnh.	5	4	4
5	Kê kích tháo 2 vế lớp sau, tháo rời các moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi, phốt, má phanh, tấm búa cạo sạch, thay mỡ mới lắp hoàn chỉnh.	5	4	4
6	Kiểm tra điều chỉnh khe hở supáp.	2,5	2	5
7	Tháo rửa sạch thay dầu bầu lọc khí (thay ruột lọc theo định ngạch) lắp hoàn chỉnh. Kiểm tra, vệ sinh hệ thống khí trời (lọc gió, đường hút,...).	1.0	1	3
8	Kiểm tra xiết chặt két nước, bổ sung nước. Kiểm tra điều chỉnh độ chùng dây cua roa.	1	1	3
9	Kiểm tra điều chỉnh hệ thống ly hợp, tăng chỉnh hành trình tự do bàn đạp ly hợp, tăng chỉnh cần đẩy ly hợp.	1	1	4
10	Kiểm tra xiết chặt các mặt bích đăng, thay các vòng bi chữ thập khi đến định ngạch hoặc hỏng.	1,5	0,8	3

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
11	Xiết chặt ốc giảm sóc, vặn chặt hệ thống nhíp và điều chỉnh nhíp hơi nếu cần.	1	1	3
12	Kiểm tra điều chỉnh độ dơ tay lái, độ chụm bánh trước, độ dơ ba ngang, ba dọc, xiết chặt, kiểm tra dầu hệ thống lái (thiếu bổ sung). Thay thế khi đến định ngạch.	1,5	1,2	5
13	Thay dầu hộp số hoặc bổ sung theo quy định, xiết chặt các ốc hộp số, Thay dầu cầu sau.	1,0	0,5	4
14	Kiểm tra hoạt động của hệ thống dẫn động phanh (hệ thống khí nén, hệ thống ống dẫn,...), xả tạp chất trong bình chứa hơi, kiểm tra các van điều chỉnh áp suất. Kiểm tra điều chỉnh bàn đạp phanh, máy nén khí.	1,5	1	5
15	Kiểm tra nồng độ dung dịch ắc quy, đổ thêm nước, nạp điện nếu thiếu, rửa sạch mặt bình điện, thông lỗ thông hơi, làm sạch đầu bọc, bôi mỡ, lắp chặt.	1,0	0,5	4
16	Tháo bảo dưỡng máy phát điện, máy khởi động, đánh sạch các cô góp, kiểm tra chổi than, thay thế khi đến định ngạch.	3,5	2,5	4
17	Kiểm tra hoạt động của toàn bộ hệ thống điện trên xe như: Đồng hồ, đèn, còi, gạt nước, hệ thống điện cửa hơi,... Hông sửa chữa.	3	2	4
18	Kiểm tra xiết chặt chân máy, bệ xe, tra dầu các khớp cửa. Kiểm tra hệ thống đóng mở cửa. Kiểm tra xiết chặt các chân ghế. Bôi trơn vào các chốt cửa, bản lề...	1,5	1,3	4
19	Kiểm tra độ mòn, đảo, không đồng đều, áp suất hơi lốp, bơm nếu thiếu, đảo lốp theo quy định. Nếu lốp có hiện tượng mòn bất thường phải kiểm tra các hệ thống liên quan.	2	1	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
20	Kiểm tra sự hoạt động bình thường của toàn bộ hệ thống: công tắc nguồn, công tắc làm mát, công tắc quạt gió, độ lạnh, gió ra, hệ thống các đèn báo trên bảng táp lô,... Chẩn đoán phát hiện những hư hỏng bất thường của hệ thống.	5	5	4
	Tháo và làm vệ sinh các lưới lọc khí, kiểm tra và vệ sinh các cửa gió ra. Lắp ráp các cụm chi tiết, bộ phận.			
	Tháo kiểm tra và bảo dưỡng các mô tơ quạt dàn nóng, dàn lạnh. Thay chổi than quạt khi mòn hoặc đến định ngạch. Lắp ráp các chi tiết bộ phận.			
	Vệ sinh dàn nóng, dàn lạnh.			
	Kiểm tra sự dò rỉ ga ở các khớp nối, vệ sinh các đường ống.			
	Kiểm tra sự hoạt động bình thường của máy nén khí. Tháo kiểm tra và bảo dưỡng ly hợp từ máy nén khí, kiểm tra sự thiếu hụt ga, dầu bôi trơn máy nén khí. Bổ sung ga, dầu bôi trơn máy nén khí nếu thiếu. Lắp ráp các cụm chi tiết, bộ phận.			
Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu kỹ thuật.				
21	Bơm mỡ vào tất cả các vú mỡ.	1,0	0,5	3
22	Thay ruột lọc. Kiểm tra bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu.	1,0	0,5	3
23	Kiểm tra sự rò rỉ, làm kín của hệ thống khí. Kiểm tra, làm kín hệ thống tuy ô dẫn khí. Kiểm tra, làm kín các đầu nối của hệ thống.	0,5	0,25	4

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
24	Kiểm tra bắt chặt bình khí (8 bình), Kiểm tra, vệ sinh lọc khí CNG, Kiểm, siết chặt bộ làm mát khí.	0,9	0,25	3
25	Kiểm tra, vệ sinh hệ thống van khí. Kiểm tra hiệu quả làm việc của hệ thống van khí.	0,3	0,25	5
26	Kiểm tra, vệ sinh bộ giảm áp khí CNG, Kiểm tra, vệ sinh van định lượng khí CNG, Kiểm tra, điều chỉnh bộ hòa trộn khí CNG.	0,9	0,5	4
27	Kiểm tra, điều chỉnh bướm ga, chân ga.	0,65	0,25	4
28	Kiểm tra hệ thống điều khiển (Hộp đen, cảm biến,...)	0,5	0,25	5
29	Đi thử kiểm nghiệm chất lượng bảo dưỡng và các yêu cầu kỹ thuật khác sau khi bảo dưỡng.	1,5	1	5
30	Vệ sinh xe bàn giao xe.	0,8	0,5	4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>50,35</b>	<b>37,65</b>	
	<b>Cộng (làm tròn)</b>	<b>50</b>	<b>38</b>	

### ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO BẢO DƯỠNG CẤP II

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Định mức vật tư phụ	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Dầu rửa	Lít	4	3
2	Xăng rửa	Lít	1	1
3	Khí (CNG) chạy thử	Kg	3	2
4	Mỡ bơm	Kg	1	0,5

5	Mỡ bi	Kg	4	2
6	Băng dính cách điện	Cuộn	0,5	0,5
7	Giẻ lau	Kg	2	2
8	Giấy ráp	Tờ	1	1

*Ghi chú:*

1. Mỡ bi moay-ơ: Phẩm cấp API: NLG-2,3; NLGI EP-2: Tiêu chuẩn SAE: J310A
2. Mỡ bi máy phát, máy đề: Mỡ đặc chủng theo hướng dẫn kỹ thuật của Nhà sản xuất.

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG VẬT TƯ CHÍNH CHO BẢO DƯỠNG  
ĐỊNH KỲ CẤP II**

<b>Loại xe</b>	<b>Lọc gió (1000 Km)</b>	<b>Lọc dầu (1000 Km)</b>	<b>Lọc khí CNG (1000 Km)</b>	<b>Lọc khí thô (1000 Km)</b>	<b>Lọc tách ẩm khí nén (1000 Km)</b>	<b>Dây đai (1000 Km)</b>
Buýt CNG trung bình	24	12	20	24	48	42
Buýt CNG nhỏ	24	12	20	24	48	42

*Ghi chú:*

1. Vật tư chính trong bảo dưỡng định kỳ: là vật tư bắt buộc phải thay trong bảo dưỡng định kỳ cấp II.
2. Lọc dầu máy được thay cùng với dầu máy trong các lần bảo dưỡng cấp bắt buộc.



**ĐỊNH NGẠCH SỬA CHỮA LỚN XE VÀ TỔNG THÀNH**

Loại xe	ĐỊNH MỨC SỬA CHỮA LỚN LẦN ĐẦU (1000 KM)				
	Máy	Gầm + T/lực	Điện	Điều hòa	Vỏ
Buýt CNG trung bình	240	240	240	240	300
Buýt CNG nhỏ	200	200	200	240	300

*Ghi chú:*

- Định ngạch sửa chữa các lần tiếp theo bằng 90% định ngạch lần trước liền kề.
- Định ngạch sửa chữa lớn điều hòa áp dụng cho chủng loại điều hòa chính hãng, có xuất xứ từ Hàn Quốc, Nhật Bản.

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG PHỤ TÙNG PHẦN MÁY**

TT	TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Pistong, xi lanh, séc măng	Bộ	180.000	180.000
2	Mặt quy lát	Cái	270.000	270.000
3	Van điều áp	Cái	240.000	240.000
4	Kim phun khí ga	Cái	120.000	120.000
5	Bơm hơi	Cái	270.000	270.000
6	Bơm nước	Cái	180.000	180.000
7	Các loại vòng bi ổ máy	Bộ	60.000	60.000
8	Động cơ tổng thành	Cái	0	0
9	Supáp hút, xả	Cái	180.000	180.000
10	Bạc biên, bạc trục cơ	Bộ	180.000	180.000
11	Phốt trục cơ	Cái	60.000	60.000
12	Két nước	Cái	270.000	270.000
13	Trục cơ cốt 0	Cái	270.000	270.000

TT	TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
14	Trục cơ hạ cốt	Cái	180.000	180.000
15	Trục cam	Cái	270.000	270.000
16	Vành răng bánh đà	Cái	180.000	180.000
17	Két làm mát dầu	Cái	270.000	270.000
18	Tay biên	Cái	270.000	270.000
19	Giàn supáp	Bộ	270.000	270.000
20	Cụm tắt máy	Cái	180.000	180.000
21	Nắp đậy giàn supáp	Cái	270.000	270.000
22	Bơm dầu máy	Cái	270.000	270.000
23	Gioăng máy	Bộ	60.000	60.000
24	Bánh răng cam	Cái	270.000	270.000
25	Dẫn động supáp (đũa đẩy, con đội)	Cái	270.000	270.000
26	Các loại vòng bi ngoài đ/cơ (bi bơm nước, cánh quạt, puly...)	Vòng	480.000	480.000
27	Các loại puly	Cái	180.000	180.000
28	Cao su chân máy	Bộ	180.000	180.000
29	Ống xả mềm	Cái	180.000	180.000
30	Bầu giảm thanh	Cái	180.000	180.000
31	Bánh đà	Cái	270.000	270.000

*Ghi chú:*

1. Các vật tư, phụ tùng trên là những vật tư phụ tùng chính hãng, ngoại nhập.

2. Các vật tư, phụ tùng nội địa Trung Quốc, hoặc không chính hãng có định ngạch thấp hơn định ngạch sử dụng ở trên, tùy theo thực tế sử dụng và hư hỏng để giải quyết và cấp phát.

**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN MÁY**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức lao động (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
1	Làm các thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe đưa vào sửa chữa lớn.	3	3	4
2	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình SCL, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh SC kèm biên bản nghiệm thu, dự trù VTPT,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan.	34	28	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay.			
	Rửa toàn bộ phần máy, gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô phần máy.			
	Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.			
3	Tháo toàn bộ phần máy ra khỏi xe	16,1	10,3	3
4	Cầu, rút máy đưa về nơi sửa chữa	1,7	1,4	3
5	Tháo thông rửa két nước và két làm mát khí nạp	13,6	11,2	4
6	Tháo rời các chi tiết phần Máy bao gồm:	34	22,4	
-	Tháo buồng côn bánh đà			4
-	Tháo bộ đầu ra khỏi Block máy			4
-	Tháo nắp dàn, cần đẩy supáp			3
-	Tháo vòi phun, van giảm áp			3
-	Tháo ống hút, ống xả			3
-	Tháo bơm nước, đường nước mặt máy, sườn máy			3
-	Tháo bơm hơi, hoặc bơm chân không			3

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức lao động (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
-	Tháo mặt qui lát			5
-	Tháo chân máy			3
-	Tháo cate, tay biên, pistong			5
-	Tháo bàn ép, lá côn			4
-	Tháo thớt giữa (áp dụng xe có thớt giữa)			5
-	Tháo ống xy lanh			5
-	Tháo trục cam, con đội			5
-	Tháo bơm dầu, gối đỡ trục cơ			4
-	Tháo su páp			4
-	Tháo bơm thủy lực			4
-	Tháo lọc dầu, lọc khí, két làm mát dầu			4
-	Tháo thông rửa két nước và két làm mát khí nạp			4
7	Cạo rửa các chi tiết máy	34	22,4	3
8	Kiểm tu các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết	20,4	14	6
9	Sửa chữa các chi tiết và lắp tổng thành	166,1	108,2	
-	Kiểm tra cạo rà bạc biên, bạc Palie	20,4	14	5
-	Kiểm tra thông rửa đường dầu	8	6	4
-	Kiểm tra đo đạc các thông số kỹ thuật cụm Pistong, tay biên, xéc măng	6,8	5,6	5
-	Rà supáp	20,4	14	3
-	Lắp supáp vào mặt qui lát	6,8	5,6	4
-	Lắp sơ mi vào thân máy			
+	Xi lanh khô ép chặt & doa	20,4	14	5
+	Xi lanh ướt hoặc xi lanh khô thả lỏng	6,8	5,6	5

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức lao động (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
-	Lắp xéc măng vào pistong	3,4	2,8	5
-	Lắp pistong vào tay biên	3,4	2,8	5
-	Kiểm tra, lắp trục cơ, lắp pistong, tay biên vào máy	13,6	11,2	6
-	Lắp bơm dầu	0,85	0,7	5
-	Lắp trục cam, con đội, bánh răng, đầu máy, đuôi máy	13,6	8,4	5
-	Lắp vành răng bánh đà	1,7	1,4	4
-	Lắp mặt quy lát, giàn cò, thớt giữa	11,9	7	4
-	Lắp các te, van áp lực dầu	3,4	2,8	4
-	Lắp két làm mát dầu	1,7	1,4	4
-	Lắp cụm bầu lọc dầu	1,7	1,4	4
-	Lắp các loại cảm biến vào thân máy	0,85	0,7	4
-	Lắp bơm nước	0,85	0,7	4
-	Lắp bơm trợ lực lái	0,85	0,7	4
-	Lắp bơm hơi	1,7	1,4	5
-	Lắp bánh đà, puly đầu trục	3,4	2,8	4
-	Lắp hoàn chỉnh bộ ly hợp	1,7	1,4	4
-	Lắp, chỉnh supáp	3,4	2,8	4
-	Lắp ống hút, ống xả	1,7	1,4	4
-	Lắp vòi phun van giảm áp	6,8	5,6	4
10	Lắp máy lên xe hoàn chỉnh	32,2	20,5	4
11	Đổ các loại dầu, nước làm mát	1,4	0,8	3
12	Rà máy, điều chỉnh, vệ sinh xe	11,6	11,2	4
13	Hoàn chỉnh, đi thử, bàn giao	6,8	5,6	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>374,9</b>	<b>275,8</b>	
	<b>Cộng (làm tròn)</b>	<b>375</b>	<b>276</b>	

**ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN MÁY**

<b>TT</b>	<b>Tên vật tư</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Buýt CNG trung bình</b>	<b>Buýt CNG nhỏ</b>
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	8	8
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2	2
3	Khí CNG nổ rà, chạy thử, nghiệm thu	Kg	40	30
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2	2
5	Bột rà supáp	kg	0,3	0,3
6	Giẻ lau	kg	5	5
7	Giấy ráp	Tờ	5	3
8	Bìa amiang làm kín (loại to)	m2	1	1
9	Đá cắt (phục vụ xúc rửa thùng dầu)	Viên	3	3
10	Dung dịch làm mát	Lít	2	2

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG PHỤ TÙNG PHẦN GÀM + TRUYỀN LỰC**

<b>TT</b>	<b>TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)</b>	
			<b>Buýt CNG trung bình</b>	<b>Buýt CNG nhỏ</b>
1	Cầu trước, sau	bộ	420.000	420.000
2	Moay ơ trước, sau	cái	270.000	270.000
3	Nhíp trước, sau	cái	180.000	180.000
4	Nhíp hơi	cái	180.000	180.000
5	Tổng phanh	cái	120.000	120.000
6	Bàn ép côn	cái	120.000	120.000
7	Hộp tay lái	cái	300.000	300.000
8	Bi moay ơ	vòng	84.000	84.000
9	Chữ thập, gối đỡ, bi trung gian các đăng	bộ	84.000	84.000

TT	TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
10	Trục các đăng	cái	270.000	270.000
11	Bơm trợ lực tay lái	cái	120.000	120.000
12	Bánh răng các loại	bộ	220.000	220.000
13	Đĩa ly hợp	cái	50.000	50.000
14	Xi lanh phanh bánh xe	bộ	84.000	84.000
15	Giảm xóc	cái	84.000	84.000
16	Bạc càng chữ A	cái	84.000	84.000
17	Tổng côn, trợ lực	cái	120.000	120.000
18	Các loại van hơi	bộ	120.000	120.000
19	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	120.000	120.000
20	Bầu phanh trước, sau	cái	120.000	120.000
21	Bộ đồng tốc	bộ	180.000	180.000
22	Bạc ắc càng tăng phanh	cái	150.000	150.000
23	Gioăng phốt tay lái	bộ	60.000	60.000
24	Phốt moay ơ	bộ	24.000	24.000
25	Bulông tắc kê	cái	120.000	120.000
26	Ắc nhíp + bạc	bộ	72.000	72.000
27	Ắc bạc phi dê	bộ	120.000	120.000
28	Bầu trợ lực hơi, chân không	cái	120.000	120.000
29	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	270.000	270.000
30	Bô vi sai	bộ	270.000	270.000
31	Trục láp	cái	270.000	270.000
32	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	270.000	270.000
33	Rô tuyen lái	cái	84.000	84.000
34	Hộp tay số + cần số	cái	270.000	270.000
35	Trống phanh	cái	240.000	240.000

TT	TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
36	La Jăng	cái	240.000	240.000
37	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000	60.000
38	Xi lanh, pistong bơm hơi	cái	120.000	120.000
39	Bầu phanh tay	cái	270.000	270.000
40	Vải côn	bộ	24.000	24.000
41	Vải phanh	bộ	60.000	60.000
42	Má phanh	bộ	42.000	42.000
43	Guốc phanh	bộ	180.000	180.000
44	Bộ tăng phanh	bộ	150.000	150.000
45	Các loại bình hơi	cái	270.000	270.000
46	Trục sơ cấp, thứ số hộp cấp	cái	270.000	270.000
47	Trục cơ A hộp số	cái	180.000	180.000
48	Cánh quạt làm mát	cái	120.000	100.000
49	Bi T mở ly hợp	bộ	120.000	120.000
50	Càng mở ly hợp	cái	120.000	120.000
51	Các loại tuy ô cao su	cái	60.000	60.000
52	Các loại vòng bi cầu, hộp số	vòng	180.000	180.000
53	Các loại cao su giảm chấn	cái	48.000	48.000
54	Bạc, ắc giăng cầu	cái	84.000	84.000

*Ghi chú:*

1. Các vật tư, phụ tùng trên là những vật tư phụ tùng chính hãng, ngoại nhập

2. Các vật tư, phụ tùng nội địa Trung Quốc, hoặc không chính hãng có định ngạch thấp hơn định ngạch sử dụng ở trên, tùy theo thực tế sử dụng và hư hỏng để giải quyết và cấp phát.



**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN GÀM + TRUYỀN LỰC**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn.	3	3	4
2	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình SCL, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh SC kèm biên bản nghiệm thu, dự trù VTPT,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan.	51	36	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay.			
	Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.			
	Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.			
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lốp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan.	8,45	6,6	4
4	Tháo hạ các cụm tổng thành khỏi xe	91,3	52,2	
	Tháo, lắp trục các đăng	1,7	1,2	4
	Tháo, lắp toàn bộ hệ thống hộp số	21,2	10,4	5
	Tháo, lắp các bánh xe	3,4	1,8	3
	Tháo, lắp moay-ơ	13,6	7,2	3
	Tháo, lắp dầm cầu sau	18,4	10	4
	Tháo, lắp dầm cầu trước	17	9,6	4
	Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, trợ lực phanh, bầu phanh trước, sau	6	4	4
	Tháo hạ hệ thống ly hợp, trợ lực ly hợp	2	2	4
*	<i>Tháo hạ hệ thống lái, trợ lực lái</i>	8	6	4

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
5	Kiểm tu các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết	40,8	24	
6	Sửa chữa, thay thế các chi tiết trục các đăng	6,8	6	4
	Thay bi chữ thập các đăng	5,1	3,6	4
	Thay bộ gối đỡ trung gian	1,7	2,4	4
7	Sửa chữa, thay thế các chi tiết hộp số	40,8	21,6	5
8	Sửa chữa cụm ly hợp, dẫn động và trợ lực	17,5	12,8	4
	Thay cupben tổng côn	2,55	2,4	4
	Thay cupben trợ lực côn	2,55	2,4	4
	Thay bàn ép côn, lá côn, bi T, càng cua:			4
	Thay bàn ép khỏi bánh đà	2,55	1,8	4
	Tháo bi bánh đà	1,7	1,2	4
	Thay thế, lắp lại hoàn chỉnh	5,1	3	4
	Sửa chữa hệ thống dẫn động và trợ lực	3	2	4
9	Sửa chữa cụm truyền lực chính	40,8	21,6	4
10	Sửa chữa các cụm moay-ơ và liên quan	47,6	26,4	4
	Thay vòng bi moay-ơ	3,4	2,4	4
	Sửa chữa ổ ren, thay bu lông tắc kê	13,6	9,6	4
	Thay cao su cupben phanh		2,4	4
	Thay xy lanh phanh bánh xe, bầu phanh	6,8	4,8	4
	Thay bạc trục quả đào	13,6		4
	Thay cần tăng phanh	3,4	2,4	4
	Sửa chữa, thay mâm phanh	3,4	2,4	4
	Thay má phanh	3,4	2,4	4
11	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái:	67,4	42,6	
	- Thay bộ bạc + ắc trụ tay lái (ắc phi nhê)	13,6	9,6	4

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
	- Thay rô tuyn ba ngang	2,55	1,8	4
	- Thay ba dọc	6,8	2,4	4
	- Thay đòn quay trung gian	3,4		4
	- Thay bộ gioăng phốt hộp tay lái	10,45	8,4	5
	- Thay bơm trợ lực lái	3,4	3,6	5
	- Thay tủy ô trợ lực lái	10,2	4,8	4
	- Thay ổ bi chữ thập trục tay lái	3,4	2,4	5
	- Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trục tay lái	13,6	9,6	5
12	Sửa chữa hệ thống nhíp, giảm sóc, giảm chấn trước	44,2	28,8	4
	- Thay lá nhíp số 1, số 2, bạc ắc nhíp	10,2	7,2	4
	- Thay bộ nhíp (trừ nhíp số 1, số 2)	34	21,6	4
13	Sửa chữa, thay thế hệ thống dẫn động phanh	27,8	19,8	
	- Thay tủy ô phanh	6,8	4,8	4
	- Thay tổng phanh hoặc cupben tổng phanh	5,1	3,6	5
	- Thay bầu trợ lực phanh	3,4	2,4	4
	- Thay bộ chia dòng phanh	3,4	2,4	5
	- Thay rơ le hoặc van hơi các loại	5,1	3,6	5
	- Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4	3	4
14	Đổ dầu	1,4	1,4	
15	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống lazang bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp, (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích	23,2	19,2	4
	Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>512,05</b>	<b>322,00</b>	
	<b>Cộng (làm tròn)</b>	<b>512</b>	<b>322</b>	

**ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN  
PHẦN GẦM + TRUYỀN LỰC**

<b>TT</b>	<b>Tên vật tư</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Buýt CNG trung bình</b>	<b>Buýt CNG nhỏ</b>
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	30	20
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10	5
3	Khí CNG nổ rà, chạy thử, nghiệm thu	Kg	10	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2	2
5	Giẻ lau	Kg	5	5
6	Giấy ráp	Tờ	5	3
7	Mỡ moay ơ	Kg	7	5
8	Mỡ bơm	Kg	1	0.5

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG PHỤ TÙNG PHẦN ĐIỆN**

<b>TT</b>	<b>TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)</b>	
			<b>Buýt CNG trung bình</b>	<b>Buýt CNG nhỏ</b>
1	Máy phát điện	cái	180.000	180.000
2	Máy đề	cái	180.000	180.000
3	Còi điện	cái	50.000	50.000
4	Tiết chế	cái	72.000	72.000
5	Mô tơ gạt mưa	cái	100.000	100.000
6	Rơ le cắt mát	cái	120.000	120.000
7	Đèn pha	cái	120.000	120.000
8	Bóng đèn các loại	cái	24.000	24.000
9	Rơ le các loại	cái	80.000	80.000
10	Chổi than máy phát, máy đề	cái	36.000	36.000
11	Vòng bi máy phát điện	cái	60.000	60.000
12	Công tắc các loại	cái	60.000	60.000

TT	TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP	Đơn vị	ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
13	Cáp ắc quy	cái	180.000	180.000
14	Đồng hồ các loại	cái	180.000	180.000
15	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000	120.000
16	Các loại cảm biến	cái	60.000	60.000
17	Bugì sấy	cái	180.000	180.000
18	Hộp điều khiển gạt mưa, sấy động cơ	cái	120.000	120.000
19	Đèn trần, đèn biển tuyến	bộ	120.000	120.000
20	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000	60.000

*Ghi chú:*

1. Các vật tư, phụ tùng trên là những vật tư phụ tùng chính hãng, ngoại nhập.

2 Các vật tư, phụ tùng nội địa Trung Quốc, hoặc không chính hãng có định ngạch thấp hơn định ngạch sử dụng ở trên, tùy theo thực tế sử dụng và hư hỏng để giải quyết và cấp phát.

**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỆN**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn.	3	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.	4	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình SCL, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh SC kèm biên bản nghiệm thu, dự trù VTPT,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan.	24	20	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay.			
	Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.			
	Kiểm tu và lập phương án sửa chữa.			
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.	131	118	
	- Tháo, lắp máy phát	1,5	2	4
	- Tháo, lắp máy đề	1,5	2	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn trước	2	2	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn sau	2	2	4
	- Tháo, lắp đèn nóc	2	2	4
	- Tháo, lắp các đèn trong xe	24	16	4
	- Tháo, lắp loa, radio, micro	3	3	4
	- Tháo, lắp khoang tấp lô	3	3	4
	- Tháo, lắp bộ sấy kính, sưởi	2	2	4
	- Tháo, lắp bộ gạt mưa	2	2	4
	- Tháo, lắp hệ thống quạt thông gió	2	2	4
	- Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa	2	1	4

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
	- Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4	4	5
	- Tháo, lắp bó dây trần xe (kể tháo ốp trần, ốp sườn)	20	15	5
	- Tháo, lắp bó dây satxi	24	24	5
	- Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12	12	5
	- Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16	16	5
	- Tháo, lắp hệ thống điều khiển role, cầu chì, ắc quy	8	8	4
5	Sửa chữa máy phát điện	6	6	4
	+ Thay bộ chổi than	1	1	4
	+ Thay vòng bi	1	1	4
	+ Thay điốt	2	2	4
	+ Sửa chữa cổ góp	1	1	4
	+ Đo kiểm roto, stato, các điốt, tiết chế	1,0	1,0	4
6	Sửa chữa máy đề	6	6	4
	+ Thay bộ chổi than	1,5	1,5	4
	+ Thay vòng bi hoặc bạc	2	2	4
	+ Thay bộ côn, giảm tốc	1,5	1,5	4
	+ Đo kiểm roto, stato, rơ le đề	1,0	1,0	4
7	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	16	5
8	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	16	5
9	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18	16	5
10	Sửa chữa bó dây đuôi xe, thay dây mới	18	16	5
11	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	18	16	5
12	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6	6	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>270</b>	<b>243</b>	
	<b>Cộng (làm tròn)</b>	<b>270</b>	<b>243</b>	

**ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỆN**

<b>TT</b>	<b>Tên vật tư</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Buýt CNG trung bình</b>	<b>Buýt CNG nhỏ</b>
1	Băng dính điện	Cuộn	4	2
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2	1
3	Khí (CNG) kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	Kg	15	15
4	Dây điện	m	10	6
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50	30
6	Giấy ráp	Tờ	5	2
7	Chất tẩy rửa (RP7)	Hộp	2	1
8	Giẻ lau	Kg	2	1

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG PHỤ TÙNG PHẦN ĐIỀU HÒA**

<b>TT</b>	<b>TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP</b>	<b>ĐƠN VỊ</b>	<b>ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)</b>	
			<b>Buýt CNG trung bình</b>	<b>Buýt CNG nhỏ</b>
1	Bộ dây đai máy kéo nén	Bộ	48.000	48.000
2	Máy nén pistong điều hòa	cái	240.000	240.000
3	Vòng bi ly hợp từ	vòng	60.000	60.000
4	Bình lọc, làm khô	cái	72.000	72.000
5	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	bộ	132.000	132.000
6	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	132.000	132.000
7	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	132.000	132.000
8	Lưới lọc	bộ	48.000	48.000
9	Cụm van máy nén	bộ	96.000	96.000
10	Lá thép chữ thập truyền lực	cái	96.000	96.000
11	Lá van máy nén	bộ	96.000	96.000
12	Mặt đế dàn van máy nén	bộ	96.000	96.000



TT	TÊN CHI TIẾT HÀNG CHÍNH HÃNG, NGOẠI NHẬP	ĐƠN VỊ	ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG (KM)	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
13	Xéc măng máy nén	bộ	96.000	96.000
14	Bạc vòng bi cổ trục, cổ biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	Bộ	84.000	84.000
15	Cụm pistong, tay biên	bộ	132.000	132.000
16	Van tiết lưu	cái	144.000	144.000
17	Tuy ô cao su	bộ	144.000	144.000
18	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	144.000	144.000
19	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	96.000	96.000
20	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	132.000	132.000
21	Máy nén điều hòa	bộ	200.000	200.000
22	Dàn lạnh	cái	240.000	240.000
23	Dàn nóng	cái	240.000	240.000
24	Bảng điều khiển	bộ	240.000	240.000
25	Công tắc áp suất	cái	240.000	240.000
26	Cụm ly hợp từ	bộ	240.000	240.000
27	Cụm đường ống cao áp	bộ	240.000	240.000
28	Cụm đường ống thấp áp	bộ	240.000	240.000
29	Bình chứa	cái	240.000	240.000
30	Thay ga	Kg	84.000	84.000
31	Thay dầu máy nén	ml	84.000	84.000

*Ghi chú:*

1. Các vật tư, phụ tùng trên là những vật tư phụ tùng chính hãng, ngoại nhập.
2. Các vật tư, phụ tùng nội địa Trung Quốc, hoặc không chính hãng có định ngạch thấp hơn định ngạch sử dụng ở trên, tùy theo thực tế sử dụng và hư hỏng để giải quyết và cấp phát.

**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỀU HÒA**

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình SCL, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh SC kèm biên bản nghiệm thu, dự trù VTPT,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan.	18	18	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay.			
	Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.			
	Kiểm tu và lập phương án sửa chữa.			
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.	89,7	78,3	
	- Thu hồi ga	1,2	1,2	4
	- Tháo, lắp quạt giàn nóng, giàn lạnh	2,4	3,6	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	3,6	3,6	5
	- Tháo, lắp dàn lạnh	4,8	4,8	5
	- Tháo, lắp hệ thống đường ống, bình chứa, lọc	19,2	14,4	5
	- Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	12	9,6	4
	- Tháo, lắp máy nén	2,4	4,8	5

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
	- Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,5	3,5	5
	- Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,2	1,2	5
	- Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,4	9,6	5
	- Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25	22	4
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh	7,2	4,8	5
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt giàn nóng, thay thế	19,2	19,2	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt giàn lạnh, thay thế	19,2	19,2	5
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	21,6	21,6	5
	- Sửa chữa, thay thế cụm ly hợp từ	2,4	2,4	5
	+ Tháo, lắp cụm ly hợp từ	1,2	1,2	5
	+ Thay vòng bi ly hợp từ, lá thép	0,6	0,6	5
	+ Thay cuộn dây ly hợp	0,6	0,6	5
	- Thay pistong, xy lanh, trục cơ, vòng bi, phốt...	19,2	19,2	5
9	Sửa chữa, thay thế cụm puly trung gian	2,4	2,4	4
10	Sửa chữa giá đỡ máy nén	2,4	2,4	4
11	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển	9,6	7,2	5
12	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,6	9,6	5
13	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,6	7,2	5
14	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	4	5
	<b>Tổng cộng</b>	<b>219,5</b>	<b>200,9</b>	
	<b>Cộng (làm tròn)</b>	<b>220</b>	<b>201</b>	

**ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỀU HÒA**

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Băng dính điện	Cuộn	3	2
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30	15
3	Chất tẩy rửa (RP7)	Hộp	1	1
4	Dây điện	m	5	5
5	Giẻ lau	Kg	2	1
6	Khí CNG kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	Kg	15	15

**ĐỊNH MỨC GIỜ CÔNG CHO CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN MÁY, GẦM + TRUYỀN LỰC, ĐIỆN, ĐIỀU HÒA**

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức giờ công	
			Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Máy	Giờ	375	276
2	Gầm + T.Lực	Giờ	512	322
3	Điện	Giờ	270	243
4	Điều hòa	Giờ	220	201

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG LỚP (KM)**

Loại xe	Cỡ lốp	Định ngạch Lốp ngoại (km)	Lốp nội (km)
Buýt CNG trung bình	245/70	70.000	55.000
Buýt CNG nhỏ	7.00	60.000	50.000

*Ghi chú:*

1. Lốp ngoại: đó là những loại lốp có chất lượng tương đương hoặc cao hơn lốp Ấn Độ.
2. Lốp nội: đó là những loại lốp được sản xuất trong nước.

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG ẮC QUI (KM)**

Loại xe	Chủng loại	Định ngạch sử dụng	
		Tháng	Km
Buýt CNG trung bình	12V - 150Ah	18	110.000
Buýt CNG nhỏ	12V - 85Ah	18	100.000

**ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG DẦU BÔI TRƠN**

TT	Tên vật tư chính	Độ nhớt/Phẩm cấp	Đơn vị (km)	Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ
1	Dầu máy	15W40/CI4, CH4	1000	12	12
2	Dầu cầu	80W90/GL5	1000	36	36
3	Dầu Hộp số		1000	36	36
4	Dầu côn	DOT 3/J 1703 EQ	1000	48	48
	Dầu phanh		1000	44	24
5	Dầu trợ lực	DEXTRON II/PSF 3	1000	48	48
6	Nước làm mát	J7184B	1000	84	84

**SỐ LƯỢNG DẦU BÔI TRƠN SỬ DỤNG**

Loại xe	Dầu máy (Lít)	Dầu cầu (Lít)	Dầu hộp số (Lít)	Dầu côn, phanh (Lít)	Dầu trợ lực tay lái (Lít)	Nước làm mát (Lít)
Buýt CNG trung bình	24,0	12,5	11,0	0,4	6,0	44,0
Buýt CNG nhỏ	17,0	5,0	7,0	0,305	2,1	24,0

*Ghi chú:*

1. Dầu máy, dầu cầu, dầu hộp số: phụ cấp 3 ÷ 5 % trong quá trình BDSC cấp I.

**ĐỊNH MỨC GIỜ CÔNG SỬA CHỮA LỚN KHUNG XƯƠNG,  
VỎ VÀ NỘI THẤT**

TT	Nội dung công việc	Giờ công		Cấp bậc công việc
		Buýt CNG trung bình	Buýt CNG nhỏ	
1	Tháo gỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chấn bùn xe.	80	70	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe.	540	430	5
3	Sửa chữa phục hồi phần tôn vỏ, bậc lên xuống, chấn bùn xe.	568	460	5
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm, tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe.	400	320	5
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe.	480	390	5
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió.	140	115	5
7	Lắp ráp hoàn chỉnh.	110	90	5
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, kẻ các chữ trong và ngoài xe.	390	310	5
	<b>Cộng</b>	<b>2.708</b>	<b>2.185</b>	

**ĐỊNH MỨC SƠN TOÀN BỘ CÁC LOẠI XE**

<b>TT</b>	<b>Tên vật liệu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Buýt CNG trung bình</b>	<b>Buýt CNG nhỏ</b>
1	Sơn chống gỉ	lít	18	13
2	Sơn ghi lót	lít	3	1,5
3	Sơn màu	lít	14	11
4	Sơn gầm xe ô tô	lít	8	6
5	Đông cứng lót	lít	6,5	6
6	Dung môi pha sơn	lít	5	3
7	Mỡ bơm	lít	1	1
8	Giấy ráp các loại	tờ	10	10
9	Đông cứng màu	lít	1	1
10	Bả keo hai thành phần	kg	40	35
11	Vải giáp nga để mài	mét	4	4
12	Băng dính	cuộn	12	10
13	Giấy báo	kg	1	0,5
14	Giẻ lau	kg	4	4